

Bản án số: 05/2024/DS-ST  
Ngày 15-3-2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST- DS, ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Số B, đường N, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Hồng C – Chuyên viên Quan hệ khách hàng cá nhân – Ngân hàng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 13/10/2022) (có mặt).

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2023 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Hồng C trình bày:

Ngân hàng T – Chi nhánh Sóc Trăng đã cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H vay tiền như sau: Số tiền vay: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 27/01/2022 đến ngày 26/01/2023; Lãi suất: 12%/năm và có thể được HDBank điều chỉnh theo từng thời kỳ; Mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi – bổ sung vốn nuôi cá tạp. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 762, tờ bản đồ số 01, diện tích 6.745,1 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm 6.745,1 m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 617564, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS01331 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/11/2020. Tài sản này được T chấp theo hợp đồng T chấp quyền sử dụng đất số 0025/21CNST/HĐBĐ ngày 28/01/2021 tại Văn phòng công chứng Trần Văn N (thành phố S, tỉnh Sóc Trăng), số công chứng 964, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 28/01/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù Ngân hàng nhiều lần đơn đốc, yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H trả nợ nhưng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 25/4/2023, tổng số tiền ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H nợ Ngân hàng tổng số tiền cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0028/21CNST/HĐTD ngày 28/01/2021, khế ước nhận nợ số 0028/21CNST/HĐTD/KUNN01 ngày 26/01/2022: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 24.582.738 đồng; Lãi quá hạn: 11.313.042 đồng. Tổng cộng: 235.895.780 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi đồng) (tạm tính đến ngày 25/4/2023).

Nay Ngân hàng T yêu cầu như sau: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng T số tiền (tạm tính đến ngày 15/3/2024) là: 275.481.769 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng). Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0028/21CNST/HĐTD ngày 28/01/2021, khế ước nhận nợ số 0028/21CNST/HĐTD/KUNN02 ngày 26/01/2022 kể từ ngày 16/3/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho HDBank đề nghị Tòa án cho

Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã Tchấp tại HDBank, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cản trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H tại HDBank, thì ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T có hợp đồng vay tiền của Ngân hàng T – Chi nhánh Sóc Trăng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0028/21CNST/HĐTD ngày 28/01/2021, khế ước nhận nợ số 0028/21CNST/HĐTD KUNN01 ngày 26/01/2022, số tiền vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 27/01/2022 đến ngày 26/01/2023, lãi suất 12%/năm và có thể được Ngân hàng điều chỉnh theo từng thời kỳ, mục đích vay là để bổ sung vốn chăn nuôi – bổ sung vốn nuôi cá tạp. Khi vay tiền bà H và ông T có ký Tchấp tài sản đảm bảo cho khoản vay là bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 762, tờ bản đồ số 01, diện tích 6.745,1 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 617564, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS011331 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/11/2020 theo hợp đồng Tchấp quyền sử dụng đất số 0025/21CNST/HĐBĐ ngày 28/01/2021 tại Văn phòng công chứng Trần Văn N (thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 28/01/2021. Từ khi vay đến nay bà H và ông T chưa trả nợ cho Ngân hàng, nay trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng bà H thừa nhận bà và ông T còn nợ tiền Ngân hàng, trường hợp bà và ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà H đồng ý cho phát mãi tài sản theo hợp đồng Tchấp quyền sử dụng đất số 0025/21CNST/HĐBĐ ngày 28/01/2021 tại Văn phòng công chứng Trần Văn N (thành phố S, tỉnh Sóc Trăng), đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 28/01/2021.

\* Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện C, nên ông T đã biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, nhưng ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng T.

Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập ông Nguyễn Văn T tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng ông T vắng mặt không có lý do và ông T cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu ông T, bà H trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 24.582.738 đồng, tiền lãi quá hạn 50.899.031 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/3/2024 cho đến ngày ông T, bà H trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H, không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng T – Chi nhánh Sóc Trăng, đề nghị Tòa án phát mãi tài sản T chấp gồm: Quyền sử dụng đất số CX 617564, diện tích 6.745,1 m<sup>2</sup>, thửa số 762, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/11/2020, số vào sổ CS01331 theo Hợp đồng T chấp quyền sử dụng đất số 0025/21CNST/HĐBĐ ngày 28/01/2021 giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H để Ngân hàng thu hồi nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2023 của Ngân hàng T (tổ chức có đăng ký kinh doanh) yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H (cá nhân không có đăng ký kinh doanh) trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là để kinh doanh tổng hợp. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Điều 471 của Bộ luật Dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[1.3] Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, Lê Hồng C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền vay gốc trong hợp đồng, Ngân hàng T yêu cầu ông Thế, bà H chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày 15/3/2024, tiền lãi trong hạn 24.582.738 đồng, tiền lãi quá hạn 50.899.031 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/3/2024 cho đến ngày ông T, bà H trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông T, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng T thì yêu cầu xử lý phát mãi tài sản mà ông T, bà H đã T chấp theo hợp đồng T chấp quyền sử dụng đất số 0025/21CNST/HĐBĐ ngày 28/01/2021 giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H để Ngân hàng thu hồi nợ.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án người diện hợp pháp của nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ thể hiện Ngân hàng T có hợp đồng cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H vay tiền theo hợp đồng tín dụng số 0028/21CNST/HĐTD ngày 28/01/2021 và có việc ông T, bà H thế chấp tài sản để bảo đảm cho hợp đồng vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0025/21CNST/HĐBĐ ngày 28/01/2021. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện Ngân hàng T không cần phải chứng minh.

[2.3] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số của Ngân hàng T:

Vào ngày 28/01/2021, Ngân hàng T có hợp đồng cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi – bổ sung vốn nuôi cá tạp, lãi suất vay 12%/năm và có thể được HDBank điều chỉnh theo từng thời kỳ, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 27/01/2022 đến ngày 26/01/2023 theo hợp đồng tín dụng số 0028/21CNST/HĐTD ngày 28/01/2021 giữa Ngân hàng T với ông T, bà H. Sau khi hợp đồng đến khi đến hạn trả tiền gốc ông T, bà H không trả theo hợp đồng. Trong hợp đồng tín dụng này ông T, bà H còn nợ Ngân hàng T số tiền gốc 200.000.000 đồng; lãi trong hạn 24.582.738 đồng; lãi quá hạn 50.899.031 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 275.481.769 đồng.

Vào ngày 28/01/2021, Ngân hàng T có hợp đồng cho ông T, bà H vay số tiền 200.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0028/21CNST/HĐTD ngày 28/01/2021, kế ước nhận nợ số 0028/21CNST/HĐTD/KUNN01 ngày 26/01/2022, lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn 150%/ lãi suất vay, thời hạn trả nợ ngày 27/01/2022 nhưng đến hạn ông T, bà H không trả nợ cho Ngân hàng. Trong hợp đồng tín dụng này ông T, bà H còn nợ Ngân hàng T số tiền gốc 200.000.000 đồng; lãi trong hạn 24.582.738 đồng; lãi quá hạn 50.899.031 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 275.481.769 đồng.

Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Ông T, bà H trực tiếp ký hợp đồng tín dụng số 0028/21CNST/HĐTD ngày 28/01/2021, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo

quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà H nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng, cho nên có đủ căn cứ xác định hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

Về mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét về lỗi: Ông T, bà H thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vì vậy ông T, bà H là bên có lỗi và là bên vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông T, bà H chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/3/2024 là 75.481.769 đồng, tổng cộng là 275.481.769 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông T, bà H trả hết nợ cho Ngân hàng.

[2.4] Về yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0025/21CNST/HĐBĐ ngày 28/01/2021 của Ngân hàng T:

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H thế chấp cho Ngân hàng T quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có tổng diện tích 6.745,1 m<sup>2</sup> (mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa đất số 762, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 617564, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS01331 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 16/11/2020 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0025/21CNST/HĐBĐ ngày 28/01/2021 giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H.

Xét thấy: Ông T, bà H trực tiếp ký hợp đồng thế chấp bất động sản, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại C nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng phù hợp theo quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 500 và Điều 502 của Bộ luật Dân sự, Điều 166 và Điều 167 của Luật đất đai, nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký. Theo thỏa thuận của các bên trong trường hợp dẫn đến phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì toàn bộ số tiền thu được ông T, bà H đồng ý thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ còn lại cho Ngân hàng T. Nghĩa vụ trả nợ còn lại của ông T, bà H bao gồm tất cả các nghĩa vụ trả nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng, văn bản thỏa thuận, cam kết khác có liên quan mà ông T, bà H đã và sẽ ký kết với Ngân hàng T. Vì vậy, việc Ngân hàng T yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp khi ông T, bà H không thực hiện

hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại điều 103, điều 299, điều 320, điều 322 và điều 323 của bộ luật dân sự, nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ C phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 700.000 đồng, số tiền này Ngân hàng T đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T28 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc ông T, bà H phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền C phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 103, Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501 và Điều 502 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166 và Điều 188 của Luật đất đai; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng T.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng T tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15/3/2024 là 275.481.769 đồng (*hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 16/3/2024, ông T, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà ông T, bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T về việc yêu cầu xử lý tài sản T chấp.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng T có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H phải tự nguyện trả số tiền nêu trên; nếu ông T, bà H không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản T chấp theo hợp đồng T chấp quyền sử dụng đất số 0025/21CNST/HĐBĐ ngày 28/01/2021 giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H để Ngân hàng thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*), số tiền này Ngân hàng T đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T28 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, buộc ông T, bà H phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.774.000 đồng (*mười ba triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*); Ngân hàng T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.897.000 đồng (*năm triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009462 ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Hồng C, bị đơn bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày



nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Chí Hường**